

PHẦN V: HỆ THỐNG BÀI TẬP TIẾNG VIỆT CUỐI BẬC TIỂU HỌC

I- BÀI TẬP CHÍNH TẢ:

A) Những nội dung cần ôn lại:

- Chính tả Phân biệt: l/n ; s/x ; gi/r/d ; ch/tr ; ng/ngh và g/gh.
- Quy tắc viết hoa.
- Quy tắc đánh dấu thanh.
- Cấu tạo tiếng, cấu tạo vần.

B) Bài tập thực hành: (Đáp án là những từ đã gạch chân)

Bài tập 1:

Hãy chỉ ra các tiếng viết sai chính tả trong các từ sau rồi sửa lại cho đúng:

- | | | |
|-------------------|---------------|----------------|
| a. <u>no</u> nghĩ | b. số lè | c. lí do |
| con nai | ấn <u>lập</u> | làn gió |
| thuyền nan | siêng năng | <u>no</u> toan |
| héo lách | tính nết | mắc lỗi |

(Ghi nhớ, nhắc lại : Chính tả P/b: l/n)

Bài tập 2:

Hãy tìm ra các từ viết sai chính tả rồi sửa lại cho đúng:

- | | | |
|------------------|------------------|-------------------|
| a. che chở | b. chí hướng | c. trong trẻo |
| <u>trung</u> kết | che đậy | trở về |
| chê trách | phương châm | câu <u>truyện</u> |
| tránh né | <u>trâm</u> biếm | trung bình |

(G/nhớ: Chính tả P/b: ch / tr)

Bài tập 3:

Hãy chỉ ra các từ viết sai chính tả rồi sửa lại cho đúng:

- | | | |
|------------------|---------------------|-----------------|
| a. xa lách | b. thiếu <u>xót</u> | c. sản xuất |
| <u>xương</u> gió | sơ sinh | sơ suất |
| ngôi sao | sứ giả | <u>suất</u> sắc |
| sinh sống | sử dụng | xuất hiện |

(G /nhớ, nhắc lại : P/b : x /s)

Bài tập 4:

Hãy tìm ra từ viết đúng chính tả trong các từ sau:

- | | | |
|------------|------------------|-------------------------|
| a. rá lạnh | b. hình rắng | c. <u>củ</u> dong riềng |
| da vị | <u>ranh</u> giới | dong chơi |

giản dị ranh lam thắng cảnh rông bão
con rán tranh dành tháng riêng

(G / nhớ, nhắc lại : Chính tả P/b : gi / r / d)

Bài tập 5:

Hãy viết lại những từ viết sai chính tả ở bài tập 4 cho đúng chính tả.

Bài tập 6:

Hãy tìm ra một từ viết sai chính tả trong từng dòng sau:

- chạn bát, trạm xá, trách mắng, chông chờ.
- Nhà đông, rung động, chiếc giường, để dành.
- Già dặn, rôm rả, giăng co, dành giết.
- Cơm nắm, khô nê, lo ẩm, trông nom.
- Chia sẻ, sếp hàng, sum sê, xum xuê.
- Bồ sung, xử lí, xơ đồ, san sẻ.

Bài tập 7:

Tìm 5 từ có các tiếng:

- trang (**Đ/án:** t/bị, t/sử, t/sức, t/trại, nghĩa/t, t/nam nhi,...)
- tránh (t/mặt, t/né, t/nắng, t/rét, phòng/t, trốn/t,...)
- châm (c/biêm, c/chích, c/chọc, c/chước, c/ngôn, nam/c, phương/c,...)
- chí (c/hướng, c/khí, báo/c, đặc/c, quyết/c, thiện/c, ý/c,...)
- trung (t/bình, t/gian, t/học, t/thành, t/lập,...)
- chung (c/kết, c/khảo, c/thân, c/thuỷ, nói/c,...)
- dành (d/dụm, d/riêng, d/dễ, d/đề/d, quả/dd,...)
- giành (gi/giật, gi/lấy, gi/nhau, tranh/gi, gi/độc lập,...)
- rành (r/mạch, r/nghề, rr, r/rẽ, r/việc, rờ/r,...)
- xuất (x/bản, x/hiện, x/khẩu, đề/x, đột/x, sản/x,...)
- xử (x/lí, x/sự, x/thế, cư/x, x/trí, xét/x,...)
- sứ (s/giả, s/mệnh, s/quán, âm/s, bát/s,...)

Bài tập 8:

Hãy chỉ ra âm chính của các tiếng trong các từ sau:

- | | | |
|--------------|-------------|-------------|
| a. noèn cười | b. ước muốn | c. tia lửa |
| huy hiệu | khuya khoắt | khúc khuỷu |
| hoa huệ | thủa nào | mùa quýt |
| khuây khoả | thuở xưa | khuyên giải |

(G/nhớ, nhắc lại : Cấu tạo tiếng, cấu tạo vần)

Bài tập 9:

Hãy chỉ ra vị trí dấu thanh ở các tiếng có trong các từ ở BT 8 (giải thích vị trí đánh dấu thanh)

Bài tập 10:

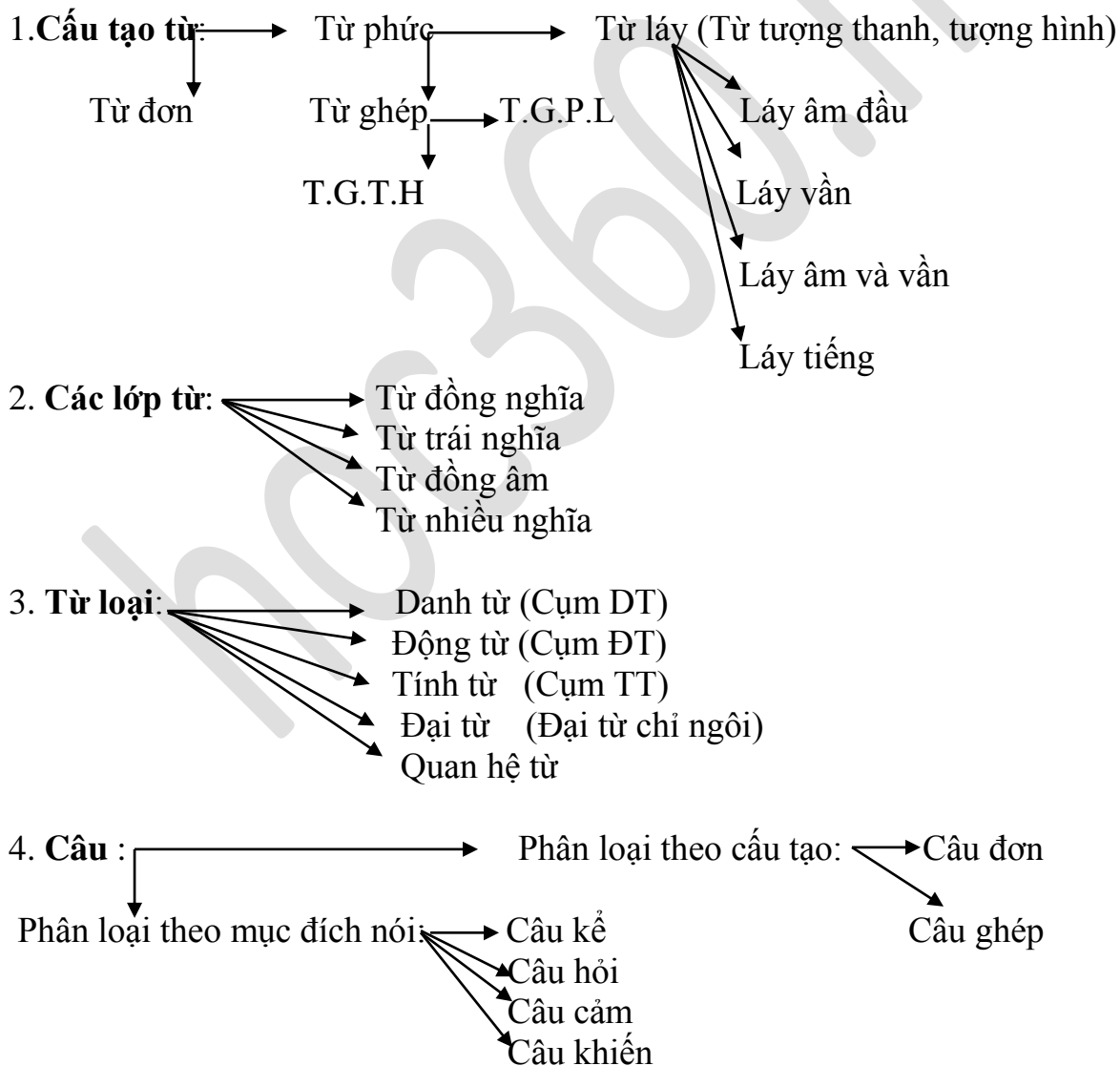
Viết lại các từ và cụm từ sau cho đúng quy tắc viết hoa:

- a) trần hưng đạo, trường sơn, cửu long, pắc pố, y a li, kơ pa kơ long.
- b) ê đi xon, mê công, lu i pa xơ, ma lai xi a, trung quốc, ấn độ, lí bạch, trương mạn ngọc.
- c) đảng cộng sản việt nam, trường mầm non sao mai, tổ chức nhi đồng liên hợp quốc.

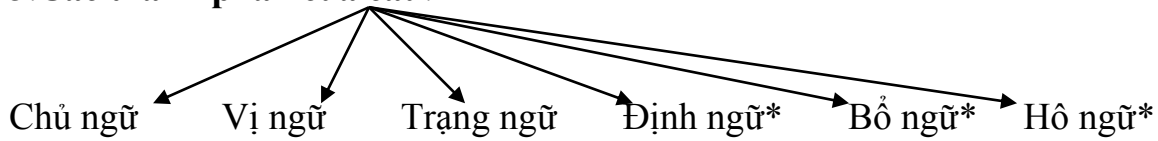
(G/ nhớ, nhắc lại : Quy tắc viết hoa)

II- BÀI TẬP LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

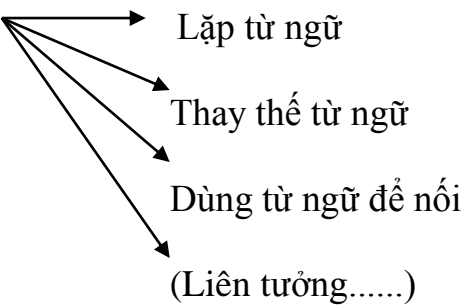
***Những nội dung cần ghi nhớ:**



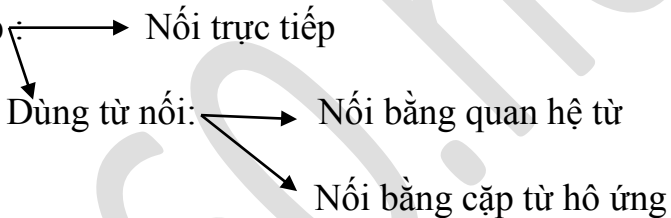
5. Các thành phần của câu:



6. Liên kết câu :



7. Cách nối các vế câu ghép:



***Bài tập thực hành:**

Bài tập 11:

Hãy chỉ ra các từ phức trong các kết hợp sau:

Xe đạp, xe cộ, kéo xe, đạp xe, nướng bánh, bánh rán, nước uống, quất lại, rửa xuống, uống nước, chạy đi.

**Đáp án:*

Xe đạp, xe cộ, bánh rán, quất lại, rửa xuống.

(G/ nhớ, nhắc lại : cách phân định danh giới từ)

Bài tập 12: (Đáp án ghi sẵn vào bài)

Dùng 1 gạch (/) để tách từng từ trong đoạn văn sau:

- a) Mưa / mùa xuân /xôn xao,/ phơi phới,/...Những /hạt mưa /bé nhỏ,/ mềm mại,/ rơi /mà /như /nhảy nhót...
- b) Mùa xuân /mong ước /đã /đến./ Đầu tiên,/ từ /trong /vườn,/ mùi /hoa hồng,/ hoa huệ /sực nức /bộc lên...

Bài tập 13:

Tìm các từ láy có trong nhóm từ sau:

Mải miết, xa xôi, xa lạ, mơ màng, san sẻ, chăm chỉ, học hỏi, quanh co, đi đứng, ao ước, đất đai, minh mẫn, chân chính, cần mẫn, cần cù, tươi tốt, mong mỏi, mong ngóng, mơ mộng, phẳng phiu, phẳng lặng.

(G/nhớ, nhắc lại : P/b từ ghép và từ láy dễ lẫn lộn)

Bài tập 14:

Hãy điền vào chỗ trống để có các từ ghép và từ láy:

Màu..., đỏ..., vàng..., xanh..., sợ..., buồn..., lạnh....

Bài tập 15:

a) Tìm 4 từ ghép trong đó có tiếng “*mưa*”

b) Tìm 4 từ ghép trong đó có tiếng “*nắng*”

Bài tập 16:

Chỉ ra các từ ghép tổng hợp và từ ghép phân loại trong các từ sau:

Bạn học, bạn hữu, bạn đường, bạn đời, anh em, anh chị, anh cả, em út, ruột thịt, hoà thuận, thương yêu, vui buồn, vui mắt.

(G/nhớ, nhắc lại : P/b TGTH và TGPL)

Bài tập 17:

Chia các từ sau thành 2 loại: *Từ tượng thanh và từ tượng hình:*

Thấp thoáng, thỉnh thoảng, phồng phao, đồ sộ, bầu bầu, mập mập, khanh khách, lè tè, ào ào, nhún nhẩy, ngào ngạt, chon chót, bi bô, bập bẹ, chơi với, thoang thoảng, lon ton, tím tím, thăm thăm.

(G/nhớ, nhắc lại : Từ tượng thanh, từ tượng hình)

Bài tập 18:

Cho các từ sau:

Lững thững, thướt tha, đủng đỉnh, róc rách, thì thào, lác đác, khúc khích, lộp độp, lách cách, the thé, sang sảng, đoàng đoàng, ào ào.

a) Phân các từ láy trên thành các kiểu: *láy tiếng, láy âm, láy vần, láy cả âm và vần.*

b) Trong các từ trên, từ nào là từ tượng thanh, từ nào là từ tượng hình?

(G/nhớ, nhắc lại : Các kiểu từ láy)

Bài tập 19:

Dựa vào các tính từ dưới đây, tìm thêm những thành ngữ so sánh:

Xanh, vàng, trắng, xấu, đẹp, cứng, lành, nặng, nhẹ, vắng, đông, nát.

(Mẫu: Chậm → Chậm như rùa)

*Đáp án:

Xanh như tàu lá, vàng như nghệ, trắng như trứng gà bóc, xấu như ma lem, đẹp như tiên, cứng như thép, lành như bột, nặng như đá đeo, nhẹ như bấc, vắng như chùa bà Đanh, nát như tương Bần, đông như kiến cỏ.

Bài tập 20:

Chỉ ra từ không giống các từ khác trong nhóm:

a) xanh ngắt, xanh thắm, xanh xao, xanh biếc.

- b) Tổ quốc, tổ tiên, đất nước, non sông.
- c) Thợ cấy, thợ cày, thợ rèn, lão nông.
- d) Đò au, đò bưng, đò ừng, đò đần.
- e) Hoà bình, hoà tan, hoà thuận, hoà hợp.
- f) Róc rách, thì thầm, lách tách, rì rào.
- g) Giáo viên, học sinh, sinh viên, bạn bè.
- h) Thành tích, thành thực, thành thật, trung thực.

(G/nhớ, nhắc lại : Từ đồng nghĩa)

Bài tập 21:

Phân biệt nghĩa của các từ đồng âm trong các cụm từ sau:

- a) sợi chỉ - chiếu chỉ - chỉ đường - chỉ vàng.
- b) đỡ tương - đỡ lại - thi đỗ - giá đỗ.

(G/nhớ, nhắc lại : Từ đồng âm)

Bài tập 22:

Xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển của các từ có trong các kết hợp dưới đây:

- a) Ngọt: cam ngọt, nói ngọt, đàn ngọt, rét ngọt.
- b) Cứng: lí lẽ cứng, cứng như thép, tê cứng, lực học cứng.
- c) Ăn: ăn đòn, ăn nắng, ăn ảnh, ăn com.
- d) Chạy: chạy ăn, ô tô chạy, chạy nhanh, đồng hồ chạy.
- e) Đi: tôi đi bộ, đi ô tô, đi học, đi công tác.

(G/nhớ, nhắc lại : Từ nhiều nghĩa)

Bài tập 23:

Hãy tìm từ trái nghĩa với các từ sau:

- a) Thật thà, giỏi giang, cứng cỏi, hiền lành.
- b) Nhỏ bé, nông cạn, sáng sủa, thuận lợi.
- c) Vui vẻ, cao thượng, cẩn thận, siêng năng.
- d) Già lão, cân già, quả già.
- e) Muối nhạt, đường nhạt, màu nhạt.

***Đáp án:**

- a) Dối trá, kém cỏi, yếu ớt, độc ác.
- b) To lớn, sâu sắc, tối tăm, khó khăn.
- c) Buồn bã, thấp hèn, cầu thả, lười biếng.
- d) Trẻ trung, cân non, quả non.
- e) Muối mặn, đường ngọt, màu đậm.

(G/nhớ, nhắc lại : Từ trái nghĩa)

Bài tập 24:

Xác định từ loại của các từ sau:

Núi đồi, rục rờ, chen chúc, vườn, dịu dàng, ngọt, thành phố, ăn, đi đứng.

(G/nhớ: DT,ĐT,TT)

Bài tập 25:

Cho đoạn văn sau:

Chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu lướt nhanh trên mặt hồ. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng.

- a) Dùng 1 gạch (/) tách từng từ trong đoạn văn trên.
- b) Tìm các DT, ĐT, TT có trong đoạn văn trên.

**Đáp án:*

- b) - DT: chú, chuồn chuồn nước, cánh, cái, bóng, mặt hồ, sóng.
- ĐT: tung, bay, vọt, lên, lướt, trải.
- TT: nhỏ xíu, mênh mông, nhanh, lặng.

Bài tập 26:

Tìm từ lạc có trong các nhóm từ sau:

- a. Xúc động, lo lắng, thân thương, tâm sự.
- b. Cái xấu, cái ác, lương thiện, nổi vất vả.
- c. Sự thật, giả dối, ngay thẳng, hiền lành.

Bài tập 27:

Tìm các tính từ có trong nhóm từ sau:

Trìu mến, cái đẹp, kiên trì, điểm tốt, niềm vui, kỉ niệm, điều hay, lẽ phải, xinh xắn, chuyên cần.

Bài tập 28:

Tìm đại từ có trong đoạn hội thoại sau, nói rõ từng đại từ đó thay thế cho từ ngữ nào:

Lúc tan học, Lan hỏi Hằng:

- Hằng ơi, cậu được mấy điểm toán?
- Tớ được 10, còn cậu được mấy điểm?
- Tớ cũng vậy.

**Đáp án:*

- Câu 1: “cậu”(danh từ lâm thời làm đại từ) thay thế cho từ “Hằng”.
- Câu 2: “Tớ” thay thế cho từ “Hằng” ; “cậu” thay thế cho “Lan”.
- Câu 3: “Tớ” thay thế cho “Lan” ; “vậy” thay thế cho cụm từ “được điểm 10”.

(G/nhớ: Đại từ)

Bài tập 29:

Tìm các Quan hệ từ và cặp QHT có trong các câu văn sau và nêu rõ tác dụng của chúng:

- a. Ông tôi đã già nhưng không một ngày nào ông quên ra vườn.
- b. Tấm rất chăm chỉ còn Cám rất lười biếng.
- c. Mây tan và mưa tạnh dần.
- d. Nam không chỉ học giỏi mà cậu còn hát rất hay.
- e. Mặc dù cuộc sống khó khăn nhưng Lan vẫn học tốt.

*Đáp án:

- ý a, b, : nêu sự đối lập.
- ý c, : nêu 2 sự kiện song song.
- ý d, : quan hệ tăng tiến.
- ý e, : quan hệ tương phản.

(G/nhớ: Quan hệ từ)

Bài tập 30:

Đặt câu với mỗi quan hệ từ sau:
của, để, do, bằng, với, hoặc.

***VD:**

- Quyển sách này là của em.
- Em luôn chăm chỉ để bố mẹ vui lòng.
- Cây xoài này do ông em trồng.
- Ngôi nhà này xây bằng đá ong.
- Tôi với Lan là đôi bạn thân.
- Chiều nay tôi đi chơi hoặc đi thăm bà.

Bài tập 31:

Chuyển những cặp câu sau thành câu ghép có dùng cặp Quan hệ từ:

- a) Rùa biết mình chậm chạp. Nó cố gắng chạy thật nhanh.
- b) Thỏ cảm cổ chạy miết. Nó vẫn không đuổi kịp rùa.
- c) Thỏ chủ quan, coi thường người khác. Thỏ đã thua rùa.
- d) Câu chuyện này hấp dẫn, thú vị. Nó có ý nghĩa giáo dục rất sâu sắc.

*Đáp án:

- a) Dùng cặp từ: *Vì...nên...*
- b) Dùng cặp từ: *Tuy ...nhưng....*
- c) Dùng cặp từ: *Vì....nên....*
- d) Dùng cặp từ: *không những...mà còn...*

Bài tập 32:

Chỉ ra tác dụng của từng cặp QHT trong mỗi câu sau:

- a) Vì gió thổi nên cây đổ.
- b) Nếu gió thổi mạnh thì cây đổ.
- c) Tuy gió thổi không mạnh nhưng cây vẫn đổ.
- d) Nếu Nam giỏi toán thì Bắc giỏi văn.
- e) Nam không chỉ giỏi toán mà Nam còn giỏi văn.

*Đáp án:

- a) Chỉ quan hệ Nguyên nhân - kết quả.
- b) Chỉ quan hệ Điều kiện, giả thiết - kết quả.
- c) Chỉ quan hệ Nhượng bộ, đối lập, tương phản.
- d) Chỉ quan hệ Đối chiếu, so sánh.